

C. Xác côn trùng trong hồ phách hàng nghìn năm

D. Những vật dụng của người cổ đại như búa rìu.

Câu 9. Đối với quá trình tiến hóa nhỏ, chọn lọc tự nhiên

A. cung cấp các biến dị di truyền làm phong phú vốn gen của quần thể.

B. tạo ra các alen mới, làm thay đổi tần số alen theo một hướng xác định.

C. là nhân tố có thể làm thay đổi tần số alen theo một hướng xác định.

D. là nhân tố làm thay đổi tần số alen không theo một hướng xác định.

Câu 10. Cặp cơ quan nào sau đây là cơ quan tương đồng?

A. Cánh dơi và tay người.

B. Mang cá và mang tôm.

C. Gai xương rồng và gai hoa hồng.

D. Cánh chim và cánh côn trùng.

Câu 11. Theo quan niệm của Đacuyn về chọn lọc tự nhiên, phát biểu nào sau đây **sai**?

A. Kết quả của chọn lọc tự nhiên là hình thành nên loài sinh vật có các đặc điểm thích nghi với môi trường.

B. Chọn lọc tự nhiên là sự phân hóa về khả năng sống sót và khả năng sinh sản của các cá thể trong quần thể.

C. Chọn lọc tự nhiên dẫn đến hình thành các quần thể có nhiều cá thể mang các kiểu gen quy định các đặc điểm thích nghi với môi trường.

D. Chọn lọc tự nhiên thông qua các đặc tính biến dị và di truyền của sinh vật.

Câu 12. Trong lịch sử phát triển của sinh giới trên Trái Đất, thực vật có hoa xuất hiện ở đại

A. Cổ sinh.

B. Trung sinh.

C. Nguyên sinh.

D. Tân sinh.

Câu 13. Theo quan niệm Đacuyn, đơn vị tác động của chọn lọc tự nhiên là

A. quần xã.

B. gen.

C. kiểu gen.

D. cá thể.

Câu 14. Những loài có quan hệ họ hàng càng gần thì trình tự các nuclêôtit của cùng một gen có xu hướng càng giống nhau. Đây là bằng chứng

A. giải phẫu so sánh.

B. sinh học phân tử.

C. hóa thạch.

D. tế bào học.

Câu 15. Dấu vết của lá dương xỉ trên than đá được phát hiện có từ đại Cổ sinh thuộc bằng chứng tiến hóa nào sau đây?

A. Sinh học phân tử.

B. Tế bào học.

C. Cơ quan thoái hóa.

D. Hóa thạch.

Câu 16. Nhân tố nào sau đây cung cấp nguồn nguyên liệu sơ cấp cho quá trình tiến hóa của sinh giới?

A. Đột biến.

B. Chọn lọc tự nhiên.

C. Các yếu tố ngẫu nhiên.

D. Giao phối ngẫu nhiên.

Câu 17. Theo thuyết tiến hóa hiện đại, phát biểu nào sau đây **sai** về quá trình hình thành loài mới?

A. Lai xa và đa bội hóa có thể tạo ra loài mới có bộ NST song nhị bội.

B. Hình thành loài mới có thể xảy ra trong cùng khu vực địa lí hoặc khác khu vực địa lí.

C. Đột biến đảo đoạn có thể góp phần tạo nên loài mới.

D. Quá trình hình thành loài mới chỉ chịu sự tác động của chọn lọc tự nhiên.

Câu 18. Hình thành loài bằng con đường cách ly địa lý mang đặc điểm nào sau đây?

A. Không chịu tác động của chọn lọc tự nhiên và các cơ chế cách ly.

B. Xảy ra với tốc độ nhanh trong thời gian ngắn.

C. Xảy ra chủ yếu ở động vật ít có khả năng di chuyển.

D. Thường gắn liền với quá trình hình thành quần thể thích nghi.

Câu 19. Lịch sử phát triển của sinh giới qua các đại địa chất được chia thành các giai đoạn chính nào sau đây?

- A. Đại Thái Cổ → Đại Cổ sinh → Đại Nguyên sinh → Đại Trung sinh → Đại Tân sinh.
- B. Đại Cổ sinh → Đại Thái Cổ → Đại Nguyên sinh → Đại Trung sinh → Đại Tân sinh.
- C. Đại Thái Cổ → Đại Nguyên sinh → Đại Cổ sinh → Đại Trung sinh → Đại Tân sinh.
- D. Đại Cổ sinh → Đại Nguyên sinh → Đại Thái Cổ → Đại Trung sinh → Đại Tân sinh.

Câu 20. Theo quan niệm hiện đại, thực chất của tiến hóa nhỏ là quá trình

- A. hình thành các đơn vị phân loại trên loài.
- B. tạo ra nguồn biến dị di truyền của quần thể.
- C. hình thành loài mới.
- D. biến đổi cấu trúc di truyền của quần thể.

Câu 21. Theo thuyết tiến hóa hiện đại về quá trình hình thành loài mới, có bao nhiêu phát biểu sau đây **đúng**?

- (1) Hình thành loài mới có thể xảy ra trong cùng khu vực địa lí hoặc khác khu vực địa lí.
- (2) Hình thành loài mới là quá trình cải biến thành phần kiểu gen của quần thể theo hướng thích nghi.
- (3) Quá trình hình thành quần thể thích nghi chắc chắn dẫn đến hình thành loài mới.
- (4) Lai xa kèm theo đa bội hóa nhanh chóng tạo nên loài mới ở thực vật nhưng ít xảy ra ở các loài động vật.
- (5) Khi sự cách li địa lí giữa các quần thể xuất hiện thì loài mới được hình thành.

- A. 2.
- B. 4.
- C. 3.
- D. 5.

Câu 22. Mức độ giống nhau về ADN giữa người và các loài thuộc bộ Khỉ như sau:

| Loài | Vượn Gibbon | Tinh tinh | Khỉ Rhesus | Khỉ Vervet |
|-------|-------------|-----------|------------|------------|
| % ADN | 94,7% | 97,6% | 91,1% | 90,5% |

Căn cứ vào tỉ lệ này, loài có quan hệ họ hàng xa nhất với loài người là

- A. Khỉ Rhesus.
- B. Vượn Gibbon.
- C. Khỉ Vervet.
- D. Tinh tinh.

Câu 23. Cho các nhân tố sau:

- (1) Chọn lọc tự nhiên.
- (2) Giao phối ngẫu nhiên.
- (3) Giao phối không ngẫu nhiên.
- (4) Các yếu tố ngẫu nhiên.
- (5) Đột biến.
- (6) Di - nhập gen.

Có bao nhiêu nhân tố có thể vừa làm thay đổi tần số alen vừa làm thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể?

- A. 4.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 5.

Câu 24. Theo thuyết tiến hóa tổng hợp hiện đại, tác động của giao phối không ngẫu nhiên và các yếu tố ngẫu nhiên tới quần thể đều có thể dẫn đến kết quả

- A. làm giảm sự đa dạng di truyền.
- B. xuất hiện các alen mới.
- C. tăng tần số alen trội theo một hướng xác định.
- D. tăng cường biến dị tổ hợp.

Câu 25. Giả thuyết ba loài thực vật A, B, C có số lượng nhiễm sắc thể lần lượt là $n_A = 10$; $2n_B = 26$; $2n_C = 30$. Từ 3 loài này, đã phát sinh thêm 3 loài mới bằng con đường lai xa và đa bội hóa tạo thành thể song nhị bội.

Quá trình hình thành 3 loài mới này được thể hiện theo bảng sau:

| Loài mới | I | II | III |
|-------------------|---------------------|---------------------|---------------------|
| Cơ chế hình thành | Từ loài A và loài B | Từ loài A và loài C | Từ loài B và loài C |

Bộ nhiễm sắc thể của các loài I, II và III lần lượt là:

A. 46; 50; 56.

B. 36; 40; 56.

C. 72; 80; 112.

D. 92; 100; 112.

Câu 26. Khi nói về các bằng chứng tiến hóa, có bao nhiêu phát biểu sau đây *là sai*?

(1) Bằng chứng sinh học phân tử là bằng chứng tiến hóa trực tiếp vì có thể nghiên cứu được bằng thực nghiệm.

(2) Cơ quan tương đồng chỉ phản ánh hướng tiến hóa phân li mà không phản ánh nguồn gốc chung của sinh giới.

(3) Tất cả các sinh vật từ virus, vi khuẩn tới động vật, thực vật đều cấu tạo từ tế bào nên bằng chứng tế bào học phản ánh nguồn gốc chung của sinh giới.

(4) Cơ quan tương tự là loại bằng chứng tiến hóa trực tiếp và không phản ánh nguồn gốc chung của sinh giới.

A. 3.

B. 1.

C. 4.

D. 2.

Câu 27. Quần thể cây tứ bội được hình thành từ quần thể cây lưỡng bội có thể xem như loài mới vì

A. cây tứ bội có cơ quan sinh dưỡng, cơ quan sinh sản lớn hơn cây lưỡng bội.

B. cây tứ bội có khả năng sinh trưởng, phát triển mạnh hơn cây lưỡng bội.

C. cây tứ bội có khả năng sinh sản hữu tính kém hơn cây lưỡng bội.

D. cây tứ bội giao phấn với cây lưỡng bội cho đời con bất thụ.

Câu 28. Cho những ví dụ sau:

(1) Cánh dơi và cánh côn trùng. (2) Vây ngực của cá voi và cánh dơi.

(3) Mang cá và mang tôm. (4) Chi trước của thú và tay người.

Những ví dụ về cơ quan tương đồng là

A. (2) và (4).

B. (1) và (4).

C. (1) và (2).

D. (1) và (3).

Câu 29. Theo lí thuyết, thể song nhị bội được tạo ra bằng con đường lai xa và đa bội hóa giữa loài lúa mì B (BBDD) và loài lúa mì hoang dại E (EE mm) có kiểu gen nào sau đây?

A. BBDDE emm .

B. BB mm .

C. BbDdEeMm.

D. DDEE.

Câu 30. Khi nghiên cứu sự thay đổi thành phần kiểu gen của quần thể qua bốn thế hệ liên tiếp thu được kết quả như sau:

| Thế hệ | Tỉ lệ kiểu gen | | |
|--------|----------------|------|------|
| | AA | Aa | aa |
| F1 | 0,49 | 0,42 | 0,09 |
| F2 | 0,36 | 0,48 | 0,16 |
| F3 | 0,25 | 0,5 | 0,25 |
| F4 | 0,16 | 0,48 | 0,36 |

Quần thể trên đang chịu sự chi phối của nhân tố tiến hóa là

A. chọn lọc tự nhiên và giao phối ngẫu nhiên.

B. chọn lọc tự nhiên chống lại alen trội.

C. chọn lọc tự nhiên và đột biến.

D. chọn lọc tự nhiên chống lại alen lặn.

----- HẾT -----